

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HS-PT

Ngày: 10/02/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Trang Thu

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Hoàng Dũng

Bà Trương Thị Liên

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Văn Cần - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Thành Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 171/2021/TLPT-HS ngày 11 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo Hồ Hải N do có kháng cáo của bị cáo, của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 75/2021/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận M, thành phố Cần Thơ.

*Bị cáo có kháng cáo:*

**Hồ Hải N**, sinh năm 1970 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: Khu vực B, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: buôn bán; con ông Hồ Văn Q và bà Nguyễn Thị Kim T (đều đã chết); có vợ là Lê Thị Kim L và có 02 người con (lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2005); tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại, đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; *Có mặt.*

**- Bị hại:** Nguyễn Thị A, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: khu vực B, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại:* Ông Nguyễn Thanh B – Luật sư Văn Phòng Luật sư Vạn Lý thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ: Số 58C, đường Hùng Vương, phường Thới Bình, quận K, thành phố Cần Thơ.

*(Tất cả đều có mặt tại phiên tòa).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phần đất diện tích 6805 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 09, số thửa là 342, số Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 01935, tọa lạc tại khu vực B, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1934, trú khu vực B, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ. Ngày 01/4/2017 bà T có hợp gia đình thống nhất giao phần đất trên cho bà Hồ Ngọc D, sinh năm 1966, trú phường A, quận K, thành phố Cần Thơ thời hạn 10 năm từ năm 2017 đến năm 2027 để sử dụng vào mục đích kinh doanh và mọi người trong gia đình bà T, trong đó có Hồ Hải N, sinh năm 1970, trú khu vực B, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ đồng ý ký tên.

Năm 2019, Nguyễn Hải S, sinh năm 1984, trú khu vực B, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ cùng vợ là Đào Cẩm P, sinh năm 1994, trú ấp SA, xã L, huyện H, tỉnh G có xin phép bà D (S là cháu gọi D bằng Dì) xây dựng căn nhà tiền chế nuôi gà với diện tích 42m<sup>2</sup> (7m x 6m) trên phần đất nói trên và được bà D đồng ý. Đến tháng 9/2020 P và S bán căn nhà tiền chế nuôi gà xây trên đất cho A với số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và có làm hợp đồng với nhau. Đầu tháng 10/2020, A tiếp tục xin bà D xây dựng thêm mái che gần nhà tiền chế đã xây dựng trước đó với diện tích 45m<sup>2</sup> (4.5m x 10m) và bà D đồng ý.

Khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 03/12/2020, N đi đến phía trước nhà chị A và dừng lại cự cãi về việc A xây dựng mở rộng nhà tiền chế phía sau nhà A nhưng không xin phép N. A cho rằng đó không phải là đất của ông N nên bỏ đi vào phía trong nhà. Một lúc sau, chị A có nghe thấy tiếng động lớn phía sau nên chạy ra xem thì thấy anh N đang dùng thanh sắt để tháo dỡ phần mái tôn nhà tiền chế nên A điện thoại báo Công an phường đến giải quyết, khi lực lượng công an phường đến giải thích và yêu cầu dừng lại thì N đi về nhà. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, bị cáo N có thuê 04 người thợ gồm Bùi Thanh H1, Trần Thanh T1; Trần Thanh L1, Kế T2 đến để tiếp tục tháo dỡ. Toàn bộ công cụ, phương tiện tháo dỡ gồm máy cắt, máy khoan đều do anh N cung cấp. Trong quá trình tháo dỡ thì anh N đứng gần đó quan sát và chỉ đạo tháo dỡ. A do sợ N nên chỉ đứng phía trong nhà sử dụng điện thoại để quay phim cảnh tháo dỡ. Sau khi anh N bỏ đi thì chị A có đi ra và nói với mọi người căn nhà tiền chế mà anh N thuê tháo dỡ là tài sản của gia đình chị A thì mọi người dừng lại. Một lúc sau N quay lại được mọi người thông báo có A ngăn cản do nhà này của A thì N kêu những người thì mọi người lại tiếp tục tháo dỡ, có gì N chịu trách nhiệm. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày thì căn nhà tiền chế đã bị tháo dỡ toàn bộ.

Căn cứ bản Kết luận định giá tài sản số: 28/KL-HĐĐGTS ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận M kết luận: Giá trị khôi phục lại hiện trạng ban đầu của tài sản trước khi bị hủy hoại vào thời điểm xảy ra ngày 03/12/2020 là 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng).

Quá trình điều tra Hồ Hải N không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, N cho rằng việc tháo dỡ phần nhà tiền chế là được sự cho phép của Hồ Hải N1 là chủ sở hữu.

Về phần dân sự: Nguyễn Thị A yêu cầu Hồ Hải N bồi thường các chi phí với số tiền 200 triệu đồng. Hồ Hải N chưa thực hiện việc bồi thường.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Hồ Hải N thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo và bị hại thống nhất số tiền bồi thường là 53.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 75/2021/HS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân quận M, thành phố Cần Thơ đã quyết định:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự 2015.

Tuyên bố: Bị cáo **Hồ Hải N** phạm tội “*Hủy hoại tài sản*”.

Xử phạt: Hồ Hải N mức án 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 12/10/2021, bị cáo Hồ Hải N kháng cáo xin được hưởng hình phạt khác.

Ngày 11/10/2021, bị hại Nguyễn Thị A kháng cáo đề nghị tăng mức hình phạt đối với bị cáo.

*Tại phiên tòa phúc thẩm,*

*Bị cáo* thừa nhận hành vi phạm tội, nhận biết đã hành động sai lầm, rất ăn năn hối cải, chân thành xin lỗi bị hại nên giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về xin chuyển sang hình phạt khác hoặc giảm nhẹ hình phạt (tại phiên tòa).

*Bị hại* giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về tăng mức hình phạt đối với bị cáo.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại (Luật sư Nguyễn Thanh B)* trình bày ý kiến: Cấp sơ thẩm tuyên mức án 06 tháng tù đối với bị cáo là quá nhẹ so với đề nghị của Viện kiểm sát cùng cấp. Hơn nữa, hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện lần lượt vào buổi sáng, rồi buổi chiều nên phải chịu tình tiết tăng nặng về “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, các lý do bị cáo nêu trong đơn kháng cáo là chưa phù hợp. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị hại, tăng mức hình phạt đối với bị cáo.

*Kiểm sát viên* phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “Hủy hoại tài sản” là đúng người, đúng tội. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt hoặc chuyển hình phạt khác nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ mới. Bị hại kháng cáo tăng mức hình phạt nhưng không xác định được bị cáo có tình tiết nào khác. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm đã đánh giá toàn diện và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ để xử phạt 06 tháng tù là phù hợp. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Hồ Hải N, bị hại Nguyễn Thị A kháng cáo trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

[2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định:

Vào ngày 03/12/2020, bị cáo Hồ Hải N đã liên tiếp sử dụng hành động dùng thanh sắt chọc thủng, tháo dỡ mái tol và thuê người tiếp tục tháo dỡ công trình xây dựng nhà tiền chế của chị Nguyễn Thị A (công trình này do chị A nhận chuyển nhượng quyền sở hữu tài sản của vợ chồng Nguyễn Hải S, Đào Cẩm P và xin phép xây dựng thêm đối với người quản lý hợp pháp tài sản Hồ Ngọc D) đến 18 giờ cùng ngày thì đập phá, tháo dỡ xong toàn bộ căn nhà tiền chế. Theo Kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự, xác định: giá

trị công trình xây dựng nhà tiền chế là 33.000.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Hồ Hải N về tội "*Hủy hoại tài sản*" theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, của bị hại:

Tại phiên tòa, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt hoặc xin chuyển sang hình phạt khác, với lý do: vì hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, là trụ cột trong việc chăm sóc giáo dục đưa rước con nhỏ đi học; hơn nữa, việc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù sẽ là cú sốc nặng, ảnh hưởng đến tâm sinh lý của các con.

Bị hại kháng cáo đề nghị tăng mức hình phạt đối với bị cáo. Vì cho rằng: mức án cấp sơ thẩm tuyên là nhẹ, không tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ chưa chính xác, xử dưới mức đề nghị của Viện kiểm sát và không áp dụng tình tiết tăng nặng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo là người đã thành niên, đủ năng lực nhận thức việc xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì mâu thuẫn liên quan đến đất đai, đến tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 342 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01935 do bà Nguyễn Thị Kim T (là mẹ bị cáo, là bà ngoại bị hại) đứng tên chủ sử dụng. Bị cáo cho rằng bị hại cất nhà tiền chế trên đất mẹ của bị cáo nhưng không được sự đồng ý của bị cáo nên đã thực hiện hành vi trái pháp luật dẫn đến công trình nhà tiền chế bị đập phá, tháo dỡ hoàn toàn. Lẽ ra, khi có sự mâu thuẫn hoặc dẫn đến tranh chấp dân sự (nếu có), bị cáo phải lựa chọn phương pháp, cách thức xử sự khác mang tính đúng đắn hơn nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Nhất là trong trường hợp cụ thể, bị cáo và bị hại là người có mối quan hệ thân thích (cậu – cháu) nhưng bị cáo lại lựa chọn cách thực hiện hành vi trái pháp luật về hủy hoại tài sản của người khác.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được Luật hình sự bảo vệ, gây tác động tiêu cực đến trật tự trị an xã hội. Nên cần áp dụng một thời hạn tù nhất định và cách ly ra khỏi đời sống xã hội nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục ý thức biết sống đặt mình trong khuôn khổ pháp luật đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Bị cáo kháng cáo cung cấp Biên lai đóng tiền về thực hiện tiếp trách nhiệm bồi thường theo bản án sơ thẩm ghi nhận. Xét đây là nghĩa vụ bị cáo phải thực hiện theo bản án đã tuyên; hơn nữa, việc thống nhất thỏa thuận bồi thường trách nhiệm dân sự cũng được cấp sơ thẩm xem xét cho hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Nên không được xem là tình tiết mới. Như vậy, bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tài liệu, tình tiết mới nên cấp phúc thẩm không có cơ sở xem xét. Bên cạnh đó, theo hồ sơ thể hiện: bị cáo có 01 người con đã trưởng thành và vợ bị cáo đều trong độ tuổi lao động nên không được xem bị cáo là lao động chính. Mặt khác, các lý do nêu trong đơn kháng cáo không là căn cứ giảm nhẹ hoặc chuyển sang hình phạt khác nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Bị hại cho rằng cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ chưa chính xác. Tuy nhiên, với thái độ thể hiện sự thành khẩn về hành vi thực hiện, ăn năn đối với hành vi sai trái xảy ra; hành vi phạm tội bị cáo thực hiện lần đầu có mức cao nhất của khung hình phạt là 03 năm tù nên thuộc trường hợp phạm tội lần đầu và ít nghiêm trọng; tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo và bị hại thống nhất bồi thường về trách nhiệm dân sự; gia đình bị cáo có

anh ruột là người có công với cách mạng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà bị cáo được hưởng nên cấp sơ thẩm áp dụng là đúng pháp luật. *Riêng*, về tình tiết tăng nặng, xét thấy: theo diễn biến của vụ án, bị hại có thể thể hiện sự phản đối, nhờ sự phối hợp ngăn cản quyết liệt hơn khi phía bị cáo đập phá, tháo dỡ căn nhà tiền chế của mình nhưng bên cạnh việc nêu ý kiến về tài sản, bị hại chỉ đứng trong nhà quay video suốt một thời gian dài nên không được xem là sự ngăn cản đáng kể đối với bị cáo; do đó, cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết “cố tình thực hiện tội phạm đến cùng” theo điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là phù hợp. *Đối với* ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại (tại phiên tòa phúc thẩm) cho rằng hành vi của bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng về “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52, Hội đồng xét xử thấy rằng: bị cáo thực hiện khởi đầu hành vi vi phạm vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 03/02/2020 và kéo dài đến 18 giờ cùng ngày tội phạm mới hoàn thành về định lượng xác định nên không được xem về tình tiết tăng nặng như Luật sư đề nghị. Vì vậy, bị hại kháng cáo tăng mức hình phạt nhưng không đưa ra tình tiết nào khác.

Trong khi, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ để xử phạt 06 tháng tù là tương xứng.

Từ những phân tích trên, quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp. Ý kiến của Luật sư không có căn cứ chấp nhận.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Hồ Hải N**, của bị hại **Nguyễn Thị A**.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 75/2021/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận M, thành phố Cần Thơ.

2. Tuyên bố: Bị cáo Hồ Hải N phạm tội “Hủy hoại tài sản”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Hồ Hải N 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Căn cứ: khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Hồ Hải N phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực

pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(ĐÃ KÝ)**

**Nguyễn Thị Trang Thư**

***Nơi nhận:***

- Viện KSND CC tại T. HCM;
- Viện KSND Tp. Cần Thơ;
- Trại Tạm giam Công an Tp. Cần Thơ;
- Cơ quan tiến hành tố tụng Q. M;
- Sở Tư pháp Tp. Cần Thơ;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu.

